

# DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOẢN

QUYỂN 10  
(Bản Luận 35, 36)

## BỒ ĐỀ ĐỊA THỨ NHẤT VÀ THỨ HAI

### BẢN LUẬN 35

Bồ-đề địa, là Sở y của Bồ-tát, là chỗ y chỉ của chư vạn hạnh, vì như đất cho nên lấy tên là Địa, gọi là Bồ-tát địa. Lại nữa, trong Địa này có bốn Du-già:

1. Trì Du-già.
2. Tùy pháp Du-già.
3. Cứu cánh Du-già.
4. Thứ đệ Du-già.

Bây giờ khai mở rõ tên gọi pháp của Du-già thứ nhất. Thứ nhất là Trì Du-già xứ, giải thích như Thanh văn địa. Lại nữa, trong Trì Du-già thứ nhất, riêng có ba Trì:

1. Là Chủng tánh phát tâm pháp Bồ-đề phần, tổng hợp chung luận thì Trì thứ nhất có mười tám phẩm, Chủng tánh ở trước gọi là Chủng tánh phẩm, một phẩm này chỉ có Chủng tánh trì.

2. Phát tâm phẩm, tức là Phát tâm trì thứ hai.

3. Là mười sáu phẩm pháp Bồ-đề phần trì, như sau sẽ rộng nói.

Hỏi: Ba loại Trì trước thuyết minh chư vạn hạnh, đối với ba Xứ có khác gì, mà lại làm ba vòng thuyết minh hay sao?

Đáp: Có nghĩa là, như các nhà giải thích Du-già, Tối Thắng Tử giải thích:

1. Trì, là thuyết minh mười hai Trụ, chỉ có pháp Sở hành.
2. Tùy pháp, là thuyết minh mười ba Trụ, giải thích thông với Như Lai trụ, thuyết minh pháp Năng hành.
3. Cứu cánh, hợp chung mười ba Trụ làm bảy Địa của nó.  
Bảy Địa là gì? Bắt đầu từ Tăng thượng ý lạc cho đến Cứu cánh,

Trì này thuyết minh Học thành mãn, thuyết minh lại bốn Quả, tuy ba vòng thuyết minh nghĩa, nhưng ý của nó không đồng. Trì, có ba nghĩa:

1. Trước có thể trì sau, như Chủng tánh có thể trì Phát tâm, phát tâm có thể trì Hành phương tiện, cho nên gọi là Trì.

2. Kham nhậm gọi là Trì, người có Chủng tánh, vì có Kham nhậm.

3. Nhân quả gọi là Trì, tức là Chủng tánh đồng hành phát tâm, có thể thành Phật quả, Nhân quả gọi là Trì.

**Luận:** Trong một bài tụng tổng có mười pháp, mười pháp là gì? Như tiếp theo văn sẽ tự trình bày, ba Du-già trước nhiếp mười pháp này, Du-già thứ nhất chỉ nhiếp một pháp Trì; Du-già thứ hai thuyết minh bốn pháp kế; Du-già thứ ba thuyết minh năm pháp sau cùng, tức là mười tám phẩm; Thứ đệ Du-già thứ tư chỉ thiên lựa riêng với chỗ có Thứ đệ của ba Du-già trước, lại càng không có pháp riêng.

Hỏi: Trong bốn Trì này, tại sao pháp thứ nhất được tên Trì?

Đáp: Trong Trì này vì thuyết minh ba Trì:

1. Chủng tánh.
2. Kham nhậm.
3. Làm pháp Bồ-đề phần.

Ba nghĩa đó gọi là Trì, vì rộng giải thích nghĩa này cho nên được tên là Trì, còn lại đến văn sau sẽ giải thích.

Luận: “Tại sao gọi là Trì? Là hàng Bồ-tát tư tuệ thừa Chủng tánh, Đăng chí, đó gọi là Trì”.

Giải thích rằng: Đây là lược hỏi và đáp danh tự của chữ Trì, từ câu “tại sao” trở xuống, rộng giải thích ba Trì này, ba loại Trì này, có ghi chép rằng Ấn Độ có hai thuyết:

1. Thuyết Chủng tánh trì, như Bồ-tát Hộ Nguyệt lấy Pháp nhĩ chủng tánh vô thỉ, tức là trước Thập tín phát tâm trì; tức là từ Thập tín trở đi, chỗ có Phát tâm pháp Bồ-đề phần trì; tức là pháp Sở hành từ Thập tín trở đi, nghĩa thế của Bồ-tát Hộ Pháp thì đồng.

2. Trong nghĩa của Thắng Quân luận sư thì có khác chút ít. Khác chút ít là gì? Là Chủng tánh trì, tức là vô thỉ đến nay, có tánh Sở tri chương, có thể đoạn Biên nghĩa, gọi là Chủng tánh, tức là nghĩa có thể đoạn xứ, vì có Vô lậu chủng. Phát tâm trì khi lấy Thập tín, pháp Bồ-đề phần của Văn tuệ Tư tuệ, Hữu lậu... nghĩa đồng với trước.

**Luận:** “Vì hàng Bồ-tát tư nương Chủng tánh làm y chỉ mà kiến lập cho nên có chỗ kham nhậm, có thế lực lớn..”, đây là giải thích thứ nhất Chủng tánh trì, có nghĩa là hiện tại giải thích văn này lại làm hai

thuyết:

1. Y chỉ chủng tánh, có thế lực đảm đương, đắc thành Bồ-đề, tức là vì Chủng tánh có thế lực đảm đương có thể kiến lập đại Bồ-đề.

2. Vì tự nương Chủng tánh làm Y chỉ, cho nên có chỗ kham nhận thành Chánh đẳng giác. Tự thừa chủng tánh làm Năng kiến lập, có thế lực lớn thì chứng đại Bồ-đề.

Chủng tánh làm hai giải thích này, dưới đây trong giải thích phát tâm pháp Bồ-đề phần cũng làm hai thuyết này. Lại nữa, có thuyết riêng khác về Chủng tánh trì, tức là Pháp nhĩ chủng, là hai Phát tâm trì trước Thập tín, tức là ba pháp Bồ-đề phần trì từ Thập tín trở đi, tức là Thập giải trở đi. Lại nữa, nói Chủng tánh trì, là Thập tín tâm, hai Phát tâm trì là Thập giải vị, Bồ-đề phần trì là Thập hạnh vị, tuy làm giải thích này nhưng chưa có kinh điển chỉ bảo chỗ dừng lại, không có bằng cứ thì làm sao nương vào bằng cứ? Lại nữa, Chủng tánh trì, là Pháp nhĩ chủng Phát tâm trì, trước Thập tín thì mười vạn kiếp mới phát tâm, cũng nên lấy lý Chân phát tâm ban đầu cũng được.

**Luận:** “Trụ Vô chủng tánh Bồ-đặc-già-la, vì Vô chủng tánh cho nên tuy có phát tâm và hành Gia hạnh làm chỗ y chỉ thì quyết định không kham nhận Vô thượng Bồ-đề”. Giải thích rằng: “Lại có ba giải thích:

1. Người Vô chủng tánh, thật ra là chưa có lúc có thể phát nghĩa Bồ-đề tâm, vì giả thiết làm luận cho nên đặt câu nói này, tuy phát tâm... là giải thích thứ nhất.

2. Quyết định Nhị thừa chủng tánh cũng gọi là không có chủng tánh Đại thừa, tuy lại gặp duyên phát tâm Bồ-đề, nhưng cũng không kham đảm đương, cho nên nói tuy phát tâm... là giải thích thứ hai.

3. Ngay tại người không có Pháp nhĩ chủng tánh, thật tuy phát tâm, nhưng cuối cùng thì Thoái chuyển, không thể đắc Vô thượng Bồ-đề kia, đây là giải thích thứ ba.

Hỏi: Phát tâm Bồ-đề không phải cầu thế gian quả, Hiện hành tâm này từ Chủng tánh nào sinh?

**Giải thích:** Từ Phước phần thiện chủng sinh, không phải Vô lậu chủng, không có Phương tiện vô lậu tuệ, cho nên luận ghi: “Chỉ lấy thiện căn của trời người mà thành thực nó...”.

**Luận:** Trong giải thích tên gọi khác của Trì, “cũng gọi là Trợ nhân nương vào trước giai cấp dẫn đường nhà cửa”, vì trợ thành quả, vì có thể sinh quả, vì nương vào đắc quả, vì tùy theo nói vị, vì dẫn đường sinh khởi, vì hàm nhiếp tàng quả, như thứ tự của nó mà phối hợp Trợ

nhân...

**Luận:** “Như nói Chủng tánh tối sơ phát tâm, thì Sở hành gia hạnh phải biết cũng vậy”.

Giải thích: Như Chủng tánh có nghĩa Trợ nhân... ở trước, phải biết phát tâm... cũng vậy.

Hỏi: Sở hành gia hạnh là gì?

Đáp: Trước đã thuyết minh Phát tâm trì, gọi là Hành gia hạnh, bây giờ luận này gọi là Sở hành gia hạnh.

Giải thích: Sở hành và Năng hành hai thứ gọi là Dị. Hành của Sở hành là pháp Bồ-đề phân, Hành của Năng hành là Phát tâm, cho nên trước phát tâm gọi là Hành gia hạnh. Hiện tại luận này căn cứ theo pháp Bồ-đề phân trong văn là Sở hành gia hạnh, hai thứ khác nhau.

**Luận:** Trong giải thích có hai loại Chủng tánh, là Bản chủng tánh và Tập chủng tánh, như ba nghĩa của mối huân tập, tùy chỗ thích là lập nó. Có người nói: “Bồ-tát Hộ Pháp lấy Địa trên gọi là Tập”, điều này không đúng, vì trước Thập tín địa không sinh Vô lậu chủng, khi sinh các chủng kia thì gọi là Tập chủng tánh, tùy theo tăng mà nói sinh, nghĩa của Hộ Nguyệt luận sư thì khác, chỉ có sư Thắng Quân. Bản chủng tánh đối với Sở trì chương có thể đoạn nghĩa dụng mà lập, Tập chủng tánh tức là Thập tín thời, là nắm lấy Chủng tử hữu lậu Văn tư...

Hỏi: Tăng thượng sinh Kiến đạo là thế nào?

Đáp: Có hai nghĩa:

1. Thế đệ nhất pháp, hoặc Khổ pháp nhẫn trí làm Tăng thượng duyên, Sinh khổ pháp nhẫn trong Hữu vi chỉ có một Vô lậu này, không từ duyên mà sinh.

2. Hoặc dùng Thế đệ nhất pháp làm Nhân duyên sinh, khi tập quen nhiều lần thì Sở trì chương có thể đoạn Hữu lậu thiện tối thắng, vì nghĩa tối thắng cho nên được làm Nhân duyên, phát sinh Khổ pháp trí nhẫn.

Luận này ý của sư thì dùng làm Nhân duyên, tức là như giải thích ở sau. Chỗ lập nghĩa Tăng thượng duyên sinh của sư trước, chỗ truyền đã xưa, vì muốn tách riêng một nghĩa, cho nên làm chỗ lập đó, trên ý muốn đó chỉ có nghĩa của Hộ Pháp. Có người nói: “Thập tín thời của Hộ Pháp chưa có chủng riêng”, điều này không đúng, rộng như chỗ phân tích khác, như trong kinh Nhân Vương nói có sai biệt: “Địa tiền có ba tâm:

1. Tín tâm.
2. Trụ tâm.

### 3. Kiên tâm.

Trong Tín vị gọi là Tập chủng tánh trụ”, tức là Thập giải Thập hạnh và hai mươi tâm, hợp chung làm Trụ tâm và Kiên tâm, tức là Thập hồi hướng. Ấn Độ đến tìm hỏi kinh kia, chưa nghe có bản kinh này, tuy vậy nhưng bây giờ lại gặp. Như kinh kia có ý tổng nói Tập chủng tánh làm Chúng đa tánh, tức là kinh kia ghi: “Tập chủng tánh, là tại Tín tâm, tức là Thập tín vị; Tánh chủng tánh là tại Trụ tâm”. Trụ tâm của kinh kia tức là Thập giải và Thập hạnh, Thập giải Thập hạnh gọi là Tánh chủng tánh.

Hỏi: Tại sao kinh kia trước thuyết minh Tập tánh, sau thuyết minh Bốn tánh?

Đáp: Tức là khi mới tu tập, thì gọi là Tập tánh, sau đó tu tập rồi thành Tánh, gọi là Tánh chủng tánh. Trước sau này không phải như nghĩa của luận này.

Hỏi: Tại sao kinh kia hợp hai mươi tâm làm Thập trụ, kinh Hoa Nghiêm... thì khai mở làm hai mươi tâm?

Đáp: Vì lựa riêng với trước và sau, vì trước là mới phát sinh Tăng thượng tín, cho nên lựa riêng khác với trước, đã không lân cận vì mới thấy đạo cho nên hợp làm hai mươi tâm, nhưng gọi là Nhất trụ, cho nên Thập hồi hướng trong kinh kia nói là Đạo chủng tánh, vì lân cận với Kiến đạo và Vô lậu đạo. Kiến đạo đã khứ bỏ thì gọi là Hành chủng tánh, là ý của kinh kia Hiện tại ý của luận này thì lý không phải như vậy, vì tánh thì mỗi mỗi đều khác.

**Luận:** Trong giải thích Chủng tử thô tế, nói: “Lại nữa, Chủng tánh này chưa tập thành quả thì gọi là Tế, vì chưa có quả, đã tập thành quả thì gọi là Thô, vì cùng với quả đồng thời”.

**Giải thích:** Đây là lấy Thập tín mới huân tập, Vô lậu chủng tăng gặp bội, cho nên nói là Thô và Tế. Không phải là các vị khác tại sao gọi là đồng thời? Như nghĩa của Hộ Pháp lại càng riêng thành Chủng, Chủng mới sinh cùng với Chủng cũ đồng thời, có thể như giải thích này, như nghĩa của Hộ Nguyệt, chỉ khiến cho Chủng cũ tăng trưởng, tức là phải trong Niệm, Chủng mới tăng thêm, có nghĩa nói làm quả, Chủng cũ là gốc, có nghĩa nói làm nhân, cho nên nói đồng thời. Lại nữa, niệm trước mong niệm sau, tuy khác sát-na, nhưng nhân diệt thì quả sinh, vì do nhân có, có thể sinh quả của nó, cho nên nói đồng thời, như nghĩa của Thắng Quân. Vô thủy hữu lậu thiện pháp chủng gọi là nhân, nhân duyên khi mới bắt đầu của Thập tín, do Vô lậu giáo huân thành Chủng tử mới, Chủng tử này là quả, Chủng tử vô thủy làm nhân, nhân quả đồng

thời cho nên nói đồng thời.

**Luận ghi:** “Đối với các thứ mạt-ni, chân châu, lưu ly, loa bối”, cho đến “cũng không để cho người khác khi đối đối với người kia, hướng chi phải tự mình làm”, ý trong đây là người có các châu báu, nhưng vì tâm mê điên đảo không thể thu thập được, không thể gìn giữ được, trước hết ký gởi vào người khác, nhưng vì tâm mê đảo không thể ghi nhớ, Bồ-tát có thể chánh khai ngộ, nghĩ rằng: “Cũng không để cho người khác khi đối đối với người kia, hướng chi phải tự mình làm”.

**Luận ghi:** “Tánh đó ưa thích Tài vị rộng lớn, đối với người kia tất cả tài sản rộng lớn tâm ưa thọ dụng, thích sự nghiệp lớn, không phải cửa nhỏ hẹp”, là tâm Bồ-tát rộng lớn, tâm ưa thích thọ dụng, không phải ít Tài vị, tánh đó ưa thích Tài vị rộng lớn, vì sự nghiệp rộng lớn mà không phải nhỏ hẹp. Lại nữa, trước đã thuyết minh vật bố thí tuy ít, nhưng có thể đồng đều ban bố ân huệ thí, rộng lớn không phải nhỏ hẹp, bây giờ thuyết minh tánh ưa thích bố thí đại Tài vị, là có thể ban bố sự nghiệp đồng đều, rộng lớn không phải nhỏ hẹp, tức là cùng với đoạn văn trước chỗ “ít vật nhiều vật ưa thích” làm khác nhau.

**Luận ghi:** “Coi trọng đối với pháp Thọ và coi trọng đời sau”, một nghĩa này là Bồ-tát đối với bốn pháp Thọ coi trọng sinh tín sâu, là thâm tín. Bốn pháp Thọ như văn của bốn quyển sau tự giải thích, là hiện tại Khổ lạc, vị lai Khổ lạc... và báo đời sau, Bồ-tát thâm tín, vì thâm tín cho nên nói là “coi trọng”. Lại nữa, thâm tín bốn pháp Thọ và tin có đời sau. Trong ít tội lỗi cũng thấy rất đáng sợ, hướng chi nhiều tội, cho nên không tạo tội. Trong giới luật này có đủ bốn pháp Nhiếp thọ, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự, hãy tìm đọc và phối hợp. Sau đây cũng thuyết minh mười nghiệp đạo, y theo văn mà tìm đọc. Trên dưới có ba loại nghĩa của giới, là Luật nghi giới, hãy tìm đọc nó. Trong Nhân chỉ có Nại oán hại nhân.

**Luận:** Trong giải thích Tinh tấn, thuyết minh đủ ba loại:

1. Bắt đầu từ câu “là hàng Bồ-tát” trở xuống, đến “tư trạch phương tiện phải khiến cho tốt ráo”, là thuyết minh Gia hạnh tinh tấn.

2. Tiếp theo từ câu “hễ là chỗ bố thí thì làm” trở xuống, đến “giải đãi bỏ phế Thoái khuất”, là thuyết minh mặc giáp Tinh tấn.

3. Từ câu “đối với các sự quảng đại”, cho đến “hướng chi là tiểu sự” trở lại, thuyết minh không khiếm nhược Tinh tấn.

Trong Tĩnh lự cũng có ba loại:

1. Bắt đầu từ câu “là hàng Bồ-tát”, cho đến “và viễn ly chỗ thâm sinh ái mộ” trở xuống, thuyết minh Phương tiện tĩnh lự.

2. Từ câu “tánh phiến não mỏng” trở xuống, cho đến “huống chi đối với Thân cận phẩm và Trung dung phẩm”, thuyết minh Nhiều ích hữu tình tĩn lự.

3. Từ câu “Hoặc thấy hoặc nghe” trở xuống, thuyết minh Dẫn phát thân thông tĩn lự. Đây là trong giải thích thứ ba.

**Luận ghi:** “Đối với pháp có thể thọ, có thể trì, có thể tư duy”, như Thập Địa luận do Thế Thân giải thích, lấy ba Tuệ văn tư tu phối hợp. Văn là Thọ ký, nhớ nghĩ không quên gọi là Tư, tức là Tư này có thể sinh Tu, từ nhân đặt tên. Tu tuệ gọi là Tư, một ý riêng này càng phải xem Thập Địa luận, tự giải thích riêng. Trong Tuệ xem ý, không có thuyết minh riêng ba loại để phối hợp. Tánh không ngoan độn, Tánh không vi muội, Tánh không ngu si, ba câu này là ba Tuệ, thứ tự mà phối hợp với các câu trở lên.

**Luận:** “Bồ-tát, là chỉ có thể thành thực Câu sinh tuệ, tức là Sinh đắc thiện, cũng có thể nhập tất cả”, đây là thuyết minh Xứ cảnh giới, tức là Phương tiện thiện, ý của hai câu này là tổng phối hợp với ba Tuệ. Văn sau cũng tổng thuyết minh ba Tuệ lia tội lỗi, có thể có Lực tư trạch. Lại nữa, tánh không ngoan si, coi như Gia hạnh tuệ.

**Luận:** “Tuệ này có thể nhập tất cả”, là thuyết minh Xứ cảnh giới, sau đó thành thực thì Sinh đắc thiện, sau đó Đắc tuệ mà khởi ngôn thuyết, khắp đối với các Cảnh xứ kia mà lia Phóng dật xứ, có Lực tư trạch, chính là Vô phân biệt tuệ, vì khác trước và sau, trong đây không coi trọng.

**Luận:** Lại nữa, giải thích tổng luận này, chưa cần phải thuyết minh riêng ba Tuệ.

**Luận ghi:** “Phải biết gọi đó là Năng tử chủng tánh tướng thô của Bồ-tát...”, vì tướng tế Chủng tánh của Bồ-tát khó biết, cho nên hiện tại lấy Hạnh để so biết Chủng tánh, cho nên nói Năng tử chủng tánh tướng thô của Bồ-tát. Trong đoạn này câu văn thứ nhất nói: “Do tướng này mà khiến cho người khác biết rõ thật là Bồ-tát. Tướng tế của Bồ-tát thì quyết định thật nghĩa, chỉ có Phật mới có thể biết, trong đây lại còn suy ra Phật, không nói Ta cũng không biết, người xưa nói: “Di-lặc không biết”, là sai, vì kinh Thiện Giới ghi: “Tướng thô của Chủng tánh, Ta đã lược nói, các thật nghĩa khác, chỉ có Phật mới biết”, coi như Thích-ca cũng không biết, lại còn suy ra Phật, không phải Di-lặc không biết, chỉ nói Phật thì biết rất ráo, Ta thì cũng biết nhưng không rất ráo, lẽ nào có nghĩa này. Nếu tổng nói Di-lặc không biết là sai lầm.

**Luận ghi:** “Chủng tánh Bồ-tát”, cho đến “chưa làm Bạch pháp

trái nhau với bốn Tùy phiền não, chỗ nhiễm ô hoặc cụ hoặc bất cụ...”, Bạch pháp trong đây là sáu Độ ở trước. Bốn Tùy phiền não thì dưới đây sẽ tự trình bày. Vô thủy chủng tánh Bồ-tát đó chưa đủ làm bốn chủng, hoặc không đủ bốn nhiễm ô thời, tánh cùng với sáu Độ như vậy tương ứng, hoặc là chỗ nhiễm ô của bốn Tùy phiền não kia, thì Bạch pháp không hiện.

**Luận ghi:** “Nếu không có Chủng tánh Bồ-đặc-già-la thì tuy có tất cả, tất cả, tất cả Chủng, nên biết rằng quyết định không chứng Bồ-đề”, tương truyền rằng: “Tất cả có ba loại: tất cả thứ nhất là Phật; tất cả thứ hai là Học hạnh; tất cả thứ ba là ba đời. Nói rằng người Vô tánh tuy có Phật và Học hạnh, nhưng trong ba đời quyết định không chứng Bồ-đề. Lại giải thích:

1. Tất cả là Phật.
2. Tất cả, là đối với Sở học hạnh không có điên đảo chấp.
3. Tất cả là Phương tiện cấp tốc.

Ngược lại ba nhân duyên trước, chỉ trừ người căn chưa thuần thực và không có Chủng tánh, cũng được gặp Phật và Học hạnh, cấp tốc phát nguyện... không có căn thứ tư thuần thực, cho nên biết quyết định không chứng Bồ-đề.

-----



## PHẨM PHÁT TÂM

Tức là Phát tâm trì thứ hai, như trước đã giải thích. Nguyên này lấy gì làm Thể? Là Dục, Tín và Thắng giải làm Thể, hoặc Hậu đắc trí làm Thể, cho nên trong mười Độ, sáu Độ trước là Chánh trí, bốn Độ sau là Hậu đắc trí, Nguyên thì ở vào Độ thứ tám, lấy Hậu đắc trí làm Thể. Nếu là Khắc tánh thì Dục và Tín làm Thể, nhưng như Nhiếp luận thì hai chỗ văn tự giải thích, nếu căn cứ theo văn kể dưới, thì lấy Quyết định mong cầu làm Thể. Mong cầu tức là Dục tâm sở.

**Luận ghi:** “Bồ-tát tối sơ phát tâm, đối với hàng Bồ-tát chỗ có chánh nguyện là Sơ chánh nguyện, có thể rộng nhiếp thọ các Chánh nguyện khác”, dưới đó trong giải thích Phát tâm, văn ghi: “Tối sơ phát tâm có thể nhiếp tất cả pháp Bồ-đề phần, vì Thiện căn thù thắng làm thượng thủ...”, trong đây Tối sơ chánh nguyện phát tâm đều là dũng mãnh, có thể nhiếp các nguyện tâm khác. Lại nữa, Sơ nguyện tâm này làm thượng thủ, là trước hết khởi các nguyện tâm khác... đều là chủng loại này, là Sơ nguyện tâm nhiếp.

**Luận ghi:** “Như vậy phải biết tối sơ phát tâm có năm loại tướng, là tự tánh”, tức là kết nghĩa của năm chữ “lại nữa” ở trước, y theo thứ tự mà phối hợp.

**Luận ghi:** “Lại nữa, hàng Bồ-tát sơ phát tâm rồi thì liền gọi là Thú nhập Đại thừa”, đến “cho nên phát tâm để tiến vào Sở nhiếp”, trong đây có ý thuyết minh Bồ-tát sơ phát tâm gọi là Thú nhập Đại thừa Bồ-tát, đây là phỏng theo thế tục tình mà nói là Thú nhập Đại thừa, không phải chân thật thú nhập, chân thật thú nhập là từ Sơ địa Bồ-tát trở đi, hoặc Bồ-tát kia tức là thật nghĩa, không phải thế tục tình mà nói năng đạo lý.

**Luận ghi:** “Như vậy phải biết Tối sơ phát tâm tiến vào nhiếp Bồ-đề, Căn bản, Đại bi và Đẳng lưu, chỗ y chỉ bốn câu của Học”, tức là kết nghĩa của bốn chữ “lại nữa”.

**Luận ghi:** “Bốn Duyên, bốn Nhân và bốn Lực”, là Duyên thì xa, Nhân thì gần, Lực thì làm Trợ bạn, thuyết minh chung hai loại Nhân, cho nên có ba loại riêng khác.

**Luận ghi:** “Mười Tùy phiền não”, tức là mười loại chữ “nhiều” dưới đó. “Trong khoảng đó, Ưu khổ và Ác hạnh... là Tùy phiền não”, vì tùy theo pháp khác mà phiền não sinh, gọi là Tùy phiền não, không phải Thể là phiền não. Lại nữa, lấy phần nhiều để đặt tên, gọi là Tùy phiền não, Thể không phải phiền não, ở tại Tùy phiền não môn nhiếp,

cho nên gọi là Tỳ phiến não.

**Luận:** Trong giải thích bốn Nhân, Nhân thứ hai ghi: “Nhờ vào Phật Bồ-tát và Thiện hữu nhiếp thọ, cùng với Duyên thứ nhất trong bốn Duyên trước có khác gì”? Trong Duyên đó chỉ thấy tác khởi thân thông, chưa nhiếp thọ lời dạy răn, vì lời dạy răn này là gần, là Nhân. Thấy tác khởi thân biến, là xa vì không có sự dạy răn, là Duyên, cho nên cả hai đều có Nhân. Trong Nhân thứ ba: “Đối với chúng sinh, phần nhiều khởi Bi tâm, cùng với Duyên thứ tư trong Duyên chưa có kiếp, thời... mà cứu độ chúng sinh thì đâu có khác gì”? Trong Duyên chỉ tự sáng lập sự phát tâm, khiến cho người khác phát tâm, trong Nhân thay thế người khác mà thọ Khổ.... là gần cho nên là Nhân.

**Luận ghi:** “Nướng vào bốn Cảnh xứ, tuy không tập quen nhưng có thể phát khởi Bi hạ trung thượng không có đoạn dứt”, bốn Cảnh là trước đã trình bày Tha và Tự thọ khổ... Hoặc thấy tự, hoặc thấy tha, tùy gặp một Khổ thì khởi hạ bi, nếu thấy tự và tha tùy gặp một Khổ thì khởi trung bi, nếu thấy tự tha thọ Vô gián đại khổ thì khởi thượng bi mà tế độ. Lại nữa, hoặc đối với bốn Cảnh, mỗi mỗi đều có thể khởi thượng trung hạ Bi.

**Luận ghi:** “Hoặc hàng Bồ-tát y chỉ tổng biệt bốn Nhân bốn Duyên, hoặc do Tự lực, hoặc do Nhân lực, hoặc tổng do hai lực mà phát tâm, nên biết tâm này không kiên cố cũng không phải không động”, trong đây có ý thuyết minh bốn Nhân và bốn Duyên trước, nếu riêng nương vào một Nhân một Duyên, hoặc tổng do bốn Nhân bốn Duyên mà phát tâm, thì trong bốn Lực lại nương vào hai Lực, là Tự lực và Nhân lực. Trong hai Lực này, hoặc riêng nương vào một Lực, hoặc tổng nương vào hai Lực này mà phát tâm, thì phát tâm này kiên cố bất động. Nếu riêng nương vào Tha lực và Gia hạnh lực, hoặc tổng nương vào hai Lực này mà phát tâm, thì phát tâm này không kiên cố, cũng không phải không động. Nếu trong bốn Duyên này, Duyên thứ nhất gần Phật Bồ-tát... theo văn của luận này, thì y vào biệt và y vào tổng, đều là kiên cố bất động, Tha lực cũng vậy, Phật Bồ-tát là Tha, tức là trong không kiên cố cũng không phải không động nhiếp. Điều này có gì trái nhau!

**Thuật rằng:** Không đúng. Tha lực, là vua và người có lực, bức bách khiến cho phát tâm, không giống như Phật Bồ-tát, thấy Phật Bồ-tát thì tự phát tâm, vì trong Duyên nhiếp cho nên bất động. Bị người khác bức bách phát tâm, là Tha lực cho nên thuộc Động nhiếp. Lại nữa, Gia hạnh lực là không kiên cố và không phải không động nhiếp

nhiếp, như Nhân thứ hai trong Nhân, là Thiện hữu nhiếp thọ thì thuộc Kiên cố và Bất động nhiếp. Điều này có ý gì?

**Thuật rằng:** Không phải ý gì cả. Thiện hữu nhiếp thọ là thấy Giáo hạnh của Bồ-tát mà hành... là chỗ duyên gặp gỡ. Trong Thắng nhân gia hạnh lực, tuy gặp Thiện hữu, là Thiện sĩ của thế gian, không phải như Bồ-tát, cho nên có khác nhau. Lại nữa, nghĩa lại còn phỏng theo một nghĩa, trong đây phán lập kiên cố và bất động... là Như thật; Duyên trong Nhân là có động và bất kiên cố; trong Tha gia hạnh lực là có bất động... Lại phỏng theo một nghĩa khác, đó là luận này.

**Luận ghi:** “Có bốn Nhân duyên có thể khiến cho Bồ-tát Thoái Bồ-đề tâm, những gì là bốn”? Như văn tự trình bày, bốn Nhân duyên này cùng với bốn Nhân trước trái nhau, tức là động ngược lại.

**Luận ghi:** “Nhiếp lỗi của quyền thuộc có hai loại, là đối với quyền thuộc nhiều ích, tổn giảm, nhiễm ô, nghịch thuận, như vậy hai Sự”, là đối với nghịch thì khởi tổn giảm mà nhiễm ô, đối với thuận thì khởi tăng ích mà nhiễm ô, cho nên gọi là hai Sự.

**Luận ghi:** “Do Bồ-tát này thành thực như vậy, không có não hại, phước đặc gấp bội Luân vương, bảo hộ chỗ thủ hộ”, gấp bội phước của Luân vương... được phước là chỗ mà các ác quỷ, yêu quái không thể đến gần, ngoài ra còn có phước là thân không có bệnh, có phước dũng mãnh làm nghĩa lợi, có phước thuyết pháp không chán mệt, có phước thô trọng chuyển thành nhẹ nhàng, có phước dùng Chú thuật có nhiều ứng nghiệm. Trong đây nói, Câu chú và Câu minh, là Câu chú khắp như vậy không phải Câu, tức là Chú có Minh từ, hoặc Chú này hoặc có Minh lực. Đại uy thần, gọi là Minh cú, chúng sinh dùng đó không có ứng nghiệm, Bồ-tát dùng đó thì liền có ứng nghiệm, chỗ não hữu tình, thì có phước nhu hoà nhẫn nhục, có phước tùy hoặc mỏng nhẹ, có ở tại quốc gia không có tai nạn, có phước tốc thoát nẻo ác, có phước hay chán các khổ.

-----

## PHẨM TỰ THA LỢI

Từ đây trở xuống có mười sáu phẩm, tức là Nhất trì, là Bồ-đề phần pháp thành thực thứ ba, Nhất trì này trong mười sáu phẩm, đại khái phân làm ba phần, tức là luận ghi: “Lược nói Bồ-tát, hoặc Sở học xứ, hoặc Như thị học, hoặc Năng tu học”. Y theo Cựu viển pháp sư nói: “Từ đây trở xuống Phát tâm trì có hai loại:

1. Năm phẩm, thuyết minh pháp sở học.
2. Mười một phẩm, thuyết minh Học hạnh.

Luận này cho rằng không đúng, y theo luận này nói: Có ba loại Sở học xứ:

1. Tức là Xứ của Ngũ phẩm sở học trước, là thứ nhất.
2. Hoặc Như Thị Học tức là một phẩm thứ 6, thuyết minh Học như vậy tổn Học pháp, là thứ hai.
3. Hoặc Năng Tu Học, tức là mười phẩm còn lại, thuyết minh người Năng Học tu hành, là thứ ba.

Sở học xứ thứ nhất có năm phẩm và bảy pháp, bảy pháp là gì? Như văn tự trình bày. Năm phẩm là gì? Là gom bảy làm năm. Tại sao gom lại làm năm? Là phẩm Tự tha lợi, phẩm Chân thật nghĩa, phẩm Uy lực, phẩm Thành thực hữu tình pháp tự phật pháp, phẩm pháp Bồ-đề phần. Pháp thứ nhất và thứ hai hợp chung làm một, gom hai pháp thứ năm thứ sáu làm một, cho nên chỉ gọi là năm phẩm. Đây là khai mở bảy pháp, phải ở chỗ khác hiển rõ. Hiện tại đối với phẩm Tự tha lợi đầu tiên khai mở, vì từ pháp Bồ-đề phần trì đầu tiên trình bày. Pháp Bồ-đề phần trì, từ phẩm Trì đắc sau cùng đặt tên.

**Luận:** Trong giải thích thứ nhất Thuận cộng tự tha lợi, ban đầu thuyết minh Thuận tự lợi, muốn thuyết minh Tự lợi thì trước hết thuyết minh Chương pháp của Tự lợi, là hàng Bồ-tát đối với thuận Tự lợi lợi tha cho đến không vượt khỏi tùy thuận uy nghi của Bồ-tát. Trong đây có hai loại:

1. Thuyết minh pháp chỗ nên đoạn, tức là pháp trái nghịch.
2. Không thuận với uy nghi của Bồ-tát, nên biết là phải đoạn, là thuyết minh thứ hai.

Chỗ nên tu học không vượt Học xứ, tùy thuận uy nghi của Bồ-tát, là phải siêng cần tu học. Lại còn tổng thuyết minh đã xong hai pháp Sở đoạn và Sở học. Từ đây trở xuống riêng thuyết minh Chương pháp của Tự lợi, phải biết có tám tùy nghĩa.

**Luận:** Trong lược giải thứ hai Tự lợi cộng tha, nói: “Hoặc hàng

Bồ-tát hoặc Bi làm đầu, hoặc vì hồi hường Vô thượng Bồ-đề, hoặc vì sinh Thiên mà đối với tất cả thời tu Thí, Nhẫn... cho đến Tự lợi cộng tha”, trong đây có ý nói, do khởi Đại bi mà nghĩ đến Lợi tha, cho nên tâm Bồ-đề vì Lợi tha, sinh Thiên thì lợi vật, giáo hóa chúng sinh, không phải như chỗ nên đoạn ở trước. Chấp Thiên làm Thắng lạc, thì tâm sinh Thiên, hiện tại vì Tha vật mà sinh Thiên, tức là lấy Bi làm đầu, tu Thí và Nhẫn... tâm Bồ-đề ưa thích sinh Thiên đều là ưa thích lợi Tha, gọi là Tự lợi kiêm tha.

**Luận ghi:** “Lại nữa, trừ ra chỗ nói các tướng như trước, ngoài ra tất cả...” cho đến “Bồ-tát đối với Đại bi này siêng cần tu học” trở lại, trong đây ngược với trước là Tự lợi chướng, phải cứ gọi là Tự lợi. Luận này nói: “Ngược với trước gọi là Tự lợi cộng tha lợi, hoặc chỉ ngược với Tự lợi chướng, chỉ hành Tự lợi hạnh, thì đáng lẽ chỉ là Tự lợi, vì Tự lợi là Chướng, Bồ-tát thì không làm. Ý này muốn nói: “Hoại kiêm gồm các vật, tuy ngược với Tự lợi, nhưng cũng có nghĩa Lợi tha. Trong Chướng cũng vậy, nếu chỉ có mong Tự lợi hạnh, tức là chỉ có Tự lợi chướng, nếu nói Dục kiêm gồm các vật, thì cũng có Tha lợi chướng. Dưới đây trong giải thích Tha lợi cộng tự nói: “Lại nữa, trừ như vậy chỗ nói các tướng ở trước, ngoài ra tất cả đều cùng với tướng kia trái nhau”, chỗ có Lợi tha hàng Bồ-tát hạnh, phải biết đều gọi là Lợi tha cộng tự, tức là ngược với trước lấy Tà kiến. Tu Thí lấy Vô nhân quả kiến, phạm giới lìa Chánh hạnh, vì người mà thuyết pháp, hai pháp này chỉ có Lợi tha chướng, làm Lợi tha kiêm tự. Điều này cũng đáng lẽ là ngược với thuận Lợi tha chướng, mà làm Thuận lợi tha hạnh. Luận này có ý giải thích: “Có nghĩa kiêm gồm các vật, tuy ngược với Chướng hạnh nhưng thông với Tự tha, hai đoạn văn trên và dưới tương tự nhau. Bồ-tát lấy Lợi tha làm gốc, chỉ có Lợi tha và Cộng tự tha lợi không phải chướng. Nếu Tự lợi, là chướng thuận Lợi tha, trong đó có ba loại:

1. Vì lợi vật mà xả cõi Sắc trở lại sinh cõi Dục.
2. Vì lợi vật mà thuận với chỗ đặc Thần thông giáo hóa mười phương.
3. Vì đã viên mãn quả rồi mà tự trở lại Vô cầu.

Chỉ vì Lợi tha mà khởi những việc Thần thông đại lợi ích... giải thích ba loại này đã xong, siêng cần tu học khiến cho đoạn hai pháp trước. Hai pháp, tức là hai pháp trong phần ngược với trước.

**Luận ghi:** “Lợi ích chủng loại tự tha lợi”, là một pháp Tự hành khiến cho Tha hành, Tự tha một loại hành một pháp, cho nên gọi là Chủng loại. Bốn pháp Thọ, là Lạc khổ của đời khác này, chung làm bốn câu,

gọi là bốn pháp Thọ, luận này thì hợp chung hai pháp thứ ba và thứ tư song song thuyết minh.

Hỏi: Trong đây thuyết minh Chủng loại của Tự tha lợi, tại sao pháp thứ nhất và thứ tư thọ đời khác này đều không phải lợi ích, mà đều là Khổ thọ, trong đây thuyết minh thế nào?

Đáp: Có nghĩa là Bồ-tát không lấy pháp thọ thứ tư làm lợi ích Tự tha, nếu Hạnh này không có lợi ích Tự tha thì Bồ-tát không làm, là có ý đó. Trong Chủng loại thứ năm, có Niết-bàn và pháp Niết-bàn... để đắc Niết-bàn, chính là Tự lợi kiêm Lợi tha của thế gian và xuất thế gian, đây là Nhân thứ năm, nêu ra các Sự của pháp thứ hai và thứ ba ở trước để thuyết minh khắp hết, pháp thứ nhất và thứ tư có ý không lấy. Lại nữa, lấy bốn pháp để thọ pháp Tự lợi, vì Tri khả hành và Bất khả hành, cũng kiêm ban cho người, cũng là Tri khả hành và Bất khả hành. “Tự tha đều là Tri khả hành”, là hành Bất khả hành, vì Bất hành cho nên đều làm lợi ích.

**Luận:** Trong giải thích năm Chủng lạc, lược nêu ra Thể tánh, nói:

1. Nhân lạc, lấy ba pháp làm Thể, là thuận với Lạc quả nghiệp và hai pháp Căn và Trần, có thể sinh thuận với Lạc, Thọ và Xúc, ba pháp này là Thể của Nhân lạc, tức là thông với năm Uẩn tánh, vì thông với Thủ, thuận với lạc quả nghiệp, tương ứng có chung, đều là Thể của Nhân lạc, thông với năm Uẩn làm Thể.

2. Thọ lạc, tức là Hỷ thọ và Lạc thọ, thông với Lậu và Vô lậu, làm Thể của Thọ lạc.

3. Khổ đối trị Lạc, cũng như văn, là khổ của hàn nhiệt... dứt mất mà sinh khởi Lạc giác, tức là lấy Tuệ làm Khổ, Thể của Đối trị lạc. Lại nữa, Xứ của Khổ không có, nghĩa nói là Lạc này, không phải thật có Thể, trong văn dưới sẽ tự lựa riêng giải thích, tức là tùy Sở đắc hoặc thông với năm Uẩn, Thể của Thọ này là bốn Thọ đoạn lạc, tức là lấy Tưởng thọ diệt định làm Thể của Lạc, tức là trên Chủng tử của tâm chán mà lập Diệt định. Trong Diệt định vị, chỗ có Chủng tử tâm chán, đều là Thể của Lạc này.

**Luận ghi:** “Lấy Định làm Thể của Lạc, có năm loại Vô não hại lạc, luận có bốn loại:

1. Xuất ly lạc, tức là người xuất gia. Văn dưới kết rằng: “Có thể tùy thuận”, tức là tùy thuận Bồ-đề lạc.

2. Viễn ly lạc, là chỗ đắc Ly sinh hỷ lạc địa trong Sơ thiên, tức là lấy Thọ tâm sở làm Thể.

3. Tịch tĩnh lạc, vẫn nói Nhị thiên trở lên, các Tầm tứ dứt mất gọi là Tịch tĩnh lạc, tức là lấy Đệ nhị thiên trở lên làm Thể của Lạc này, vì trừ Tầm tứ cho nên cũng lấy Tuệ làm Thể của Lạc.

4. Ba Bồ-đề lạc, tức là Chánh giác, là Vô phân biệt trí lạc, hoặc lấy chung Hậu đắc trí làm Thể của Lạc này, vì đoạn Hoặc mà đắc trí này, Sở đắc không làm Niết-bàn lạc, chính là Lạc này nhiếp, vì chứng Tịch tĩnh cho nên nói Tịch diệt, từ Tâm và Tâm sở nhiếp, là Thể tánh của năm Lạc. Lại nữa, năm Lạc này đều là Hữu vi, vì không thuyết minh Vô vi cho nên không nắm thủ Niết-bàn tịch diệt lạc.

**Luận ghi:** “Nói Nhân lạc, là các Căn và Cảnh giới của hai Lạc phẩm, hoặc đây là Nhân thuận với Lạc thọ Xúc”, đây là nói Nhân lạc, tức là cùng với Lạc làm Nhân, gọi là Nhân lạc, là hai pháp Căn và Cảnh có thể sinh Lạc thọ, cho nên gọi là hai pháp, là Nhân của Lạc. Lại nữa, Căn cảnh cũng có thể sinh thuận với Khổ thọ Xúc, hiện tại lấy sinh thuận với căn cảnh của Lạc thọ Xúc. Căn cảnh trong Lạc thọ vị, do đó có nói về phẩm. Lại nữa, giải thích hai Lạc phẩm, tức là Lạc trong tự tánh, là Hữu lậu vô lậu lạc làm hai loại, lại cũng thân tâm Lạc làm hai loại. Trong văn này nói Căn cảnh làm Nhân, có thể sinh hai loại Lậu vô lậu và thân tâm, là hai loại Lạc. Không lấy Căn cảnh làm hai loại, chỉ lấy làm Nhân, có ý nêu ra quả Sở sinh là Lậu và Vô lậu lạc, lấy Năng sinh nhân và căn Cảnh làm Nhân của Lạc. Lại nữa, hai phẩm, lấy Quả của Lậu vô lậu thân tâm... như trước, cả hai kiêm lấy Nhân, hai căn Cảnh làm hai Lạc phẩm. Tuy nêu ra Quả lạc, nhưng có ý lấy Nhân lạc.

**Luận:** Trong giải thích Thọ lạc thứ hai, nói: “Do chỗ nói Nhân lạc ở trước là chỗ nhiếp ba Nhân duyên...”, ba Nhân duyên là căn Cảnh là hai, và nghiệp thuận Lạc quả là ba Nhân duyên, trở lại Biệt giải, lấy trong Biệt nghĩa như trước.

**Luận:** Trong giải thích lựa riêng với các Lạc là tự tánh và Phi tự tánh, lựa riêng trong Đoạn thọ lạc thứ tư ghi: “Nhưng nương vào thắng nghĩa các chỗ thọ đều là khi Khổ trụ diệt định, thì Thắng nghĩa khổ này tạm thời vắng lặng cho nên gọi là Lạc”, Diệt định trong đây là Vô lậu, Gia hạnh tâm trước cũng là Vô lậu, nhưng nói chỗ chán là Khổ, xa từ chỗ chán Hữu lậu mà nói, như Vô vi kia, thật ra Vô gián đạo đã đắc Tướng thọ diệt vô vi, thời gian lâu sau đó mới đắc Định kia, khi đắc Định, lại từ chỗ đắc của Vô gián đạo thời ở trước gọi là Tướng thọ diệt vô vi. Luận này cũng vậy, Định là Vô lậu gia hạnh, không phải Hữu lậu, từ chỗ chán xa mà đặt tên, gọi là chán Khổ. Tuy tâm xa nhưng cũng là Hữu lậu thiện, vì Thắng nghĩa lý cho nên cũng là Khổ. Lại nữa, cũng



đồng với Tướng thọ diệt vô vi, đó là đại nghĩa.

**Luận ghi:** “Các Sở hữu khác, không có Não hại lạc...”, là Xuất ly lạc, Viễn ly lạc, Tịch tĩnh lạc, đó là tùy thuận Bồ-đề lạc, vì là Bồ-đề phần, cho nên có thể dẫn Bồ-đề lạc. Như trước có thể biết.

**Luận ghi:** “Phải biết chỗ có Hiện pháp thì Khả ái quả nghiệp tương lai là chỗ nhiếp Nhân lạc”, cho đến “chỗ thích nghi đó là đối với chúng sinh, thì liền phải truyền dạy ban cho...”, trong đây giải thích năm Lạc ở trước, phải tư duy tuyển chọn nghĩa đáng ban cho hay là nghĩa không đáng ban cho mà ban cho chúng sinh. Hoặc trong Nhân lạc thứ nhất, lấy thuận Lạc quả nghiệp. Lạc thứ ba, thứ tư và thứ năm, đáng lẽ xưa nay ban cho chúng sinh không nên tư duy tuyển chọn, trong Nhân lạc đó, hai phẩm căn Cảnh và Thọ lạc thứ hai, phải quán là đáng ban cho hay không đáng ban cho mới ban cho chúng sinh. Trong đây có phương hại, như Khổ thứ ba dứt trừ Lạc, có một chúng sinh trước kia là bần khổ, không được tạo tội, Bồ-tát vì người đó mà dứt trừ Khổ, cho nên truyền ban cho tài bảo, đã được tài bảo rồi, cho đến phóng dật tạo các tội lỗi... lẽ nào không truyền ban cho! Lạc thời này có thể sinh tội lỗi, có thể sinh các nhiễm ô. Lại nữa, trong không có Não hại lạc, Xuất ly lạc và Tịch tĩnh lạc là Định cõi Sắc, cũng thông với Hữu lậu, là pháp Hữu vi, nên truyền ban cho chúng sinh, chúng sinh được nó không bỏ phước, thì tuy sinh cõi Sắc khởi Tham định vị, không học Nội pháp mà chấp làm Niết-bàn, sau đó thì sinh trở lại nẻo ác, chúng sinh đắc Định cõi Sắc đó không phải không có tội, không phải không có nhiễm. Tại sao không đồng với Thọ lạc? Quán sát chúng sinh kia là đáng cho hay không đáng cho, mà nói đối với chúng sinh xưa nay truyền dạy và ban cho! Lại nữa, trong tự tánh của Lạc thọ, thông với Lậu và Vô lậu, tại sao không nói Hữu lậu, để chọn lựa tư duy Vô lậu? Xưa nay truyền dạy ban cho chúng sinh kia Nhân lạc, thuận với nghiệp của Lạc quả, xưa nay truyền dạy và ban cho Nhân lạc của Căn trần, tức là không truyền dạy và ban cho. Nhân lạc này có hai loại, là có ban cho và không ban cho Thọ lạc, đã có hai thứ thì cũng phải ban cho và không ban cho, sư Viễn nói: “Thuận với nghiệp của Lạc, nhiếp Lạc kia quyết định phải ban cho, cho nên nói đó là quyết định nhiều ích, tức là có chúng sinh khởi thuận với nghiệp của Khổ thì Bồ-tát không truyền dạy. Nếu khởi thuận với nghiệp của Lạc, thì quyết định phải ban cho. Trong Thọ lạc kia là Vô lậu thọ, nhiếp Quyết định kia đáng lẽ lợi ích không thể tận, không nên nói thiên lệch, vì Sở tác vô lượng, như Tứ thiên quyết định đáng ban cho thì ban cho, Vô lậu thọ thì không như vậy.



Hỏi: Nếu có người Căn thành thực, muốn nhập Kiến đế, có thể kham ban cho Vô lậu, thì cũng là quyết định, tại sao không ban cho?

Đáp: Giải thích trước không phải. Có nghĩa là nếu phỏng theo thật lý thì trong tự tánh của Thọ cũng đặc, như Nhân lạc phân riêng chỉ vì Hữu tánh và Vô tánh khác nhau, Vô lậu thọ thì không nên xưa nay ban cho. Lại nữa, có thể nhập một Địa hoặc không thể nhập Địa, vì riêng biệt cho nên không nên nói xưa nay truyền ban cho. Nếu khiến cho người nhập Địa xưa nay đáng lẽ truyền dạy ban cho, vì không khiến cho nhập tương đối, cho nên hợp chung để làm ví dụ.

Hỏi: Nếu như thế thì Đoạn thọ lạc, không có nào hại Lạc, thì như thế nào mà thông được?

Đáp: Tư duy Lậu và Vô lậu, có riêng Thọ tánh.

Hỏi: Vì sao không đồng với Nhân lạc?

Đáp: Thế có ba loại được làm Phân biệt. Lại nữa, Đoạn thọ lạc thuần truyền dạy ban cho, nhưng phỏng theo người hiện tại có được thì liền biết đã hiển Vô lậu thọ, cũng khiến cho truyền dạy ban cho. Vì vẫn hiển rõ, không nói Thọ lạc.

-----

**BẢN LUẬN 36**

Tự trong Hạ phẩm, đoạn văn lớn thứ ba, thuyết minh Nhân nhiếp Quả, nhiếp Tự lợi lợi tha, tức là trong Nhân quả đều có Tự lợi, kiêm gồm Tha hạnh.

**Luận ghi:**

1. Dị thực nhân Dị thực quả.
2. Phước nhân Phước quả.
3. Trí nhân Trí quả.

Căn cứ trong văn dưới thì Dị thực nhân quả... là thuyết minh riêng, Phước trí nhân quả... là thuyết minh chung và thuyết minh riêng. Trong Dị thực nhân quả có ba loại thuyết minh:

1. Chánh thuyết minh Dị thực thể. Dị thực thể này xét theo Hạ phẩm Tín mà nói thì có đầy đủ thế lực lớn, chưa hẳn đều là Quả vô ký. Nhưng khi kết quả thì có Tăng thượng quả hoặc Đăng lưu quả gọi là Quả thực, hoặc tại Địa tiền tuy Hữu lậu thiện nghiệp Hoặc, hoặc tại Địa thượng cũng thông dụng Vô lậu làm tăng trưởng nghiệp. Lại nữa, nếu Vô ký quả của Dị thực chỉ là Hữu lậu thì tại Địa tiền nhiếp, thông với Địa thượng, nếu Tăng thượng Đăng lưu quả thì như Tín mà nói là có thế lực lớn... tại Địa thượng, thông với Hữu lậu và Vô lậu, vì khởi ngay tại Hậu đắc trí, những loại như vậy là Dị thực thể.

2. Thuyết minh Dị thực nhân. Căn cứ theo văn dưới thì có tám loại, nếu tại Địa tiền thì chỉ có Hữu lậu thiện nghiệp, nếu tại Địa thượng thì thông với Hữu lậu, Vô lậu. Nếu người chiêu cảm Hữu lậu quả, thì Nhân này gọi là Hữu lậu. Nếu người chiêu cảm Vô lậu quả thì Nhân này gọi là Vô lậu, gọi đó là Dị thực nhân thứ hai.

3. Thuyết minh quả Dị thực. Không phải quả bị nghiệp trước chiêu cảm gọi là quả Dị thực, ngay Dị thực thể là chỗ chiêu cảm của nghiệp, gọi đó là quả Dị thực. Đắc Dị thực rồi thì y theo Dị thực thể làm Nhân, chỗ phát thân ngữ... làm Quả, Quả này tại Địa tiền và Địa thượng đều được thông với Hữu lậu và Vô lậu, căn cứ theo nghĩa thì phải biết gọi đó là quả Dị thực bên trong.

Trong phần thứ hai hợp chung thuyết minh Phước trí cũng có ba loại:

1. Thuyết minh trước Phước trí có hai loại Thể.
2. Thuyết minh Phước trí có hai loại Nhân.
3. Thuyết minh hai loại Quả của Phước trí, vì sáu Độ nhiếp Phước trí làm Thể của Phước trí.

Có một số văn trái nhau, đến văn đó sẽ tự giải thích, thông với Địa tiền Địa thượng, thông với Hữu lậu vô lậu, chính là Nhân của Phước trí đó, chính là quả của Phước trí đó, tức là nương vào chỗ khởi của Phước trí mà lợi vật lợi sinh... làm Quả của Phước trí. Đây là hoặc Nhân hoặc Quả... đều chỉ là Thiện thông với Lậu và Vô lậu, còn lại đến văn sẽ giải thích.

Trong giải thích Dị thực thứ nhất, thứ năm Tín ngôn cụ túc ghi: “Nhiều chỗ tín phụng, đoạn trừ kiện tụng, nắm lấy quy tắc thì không hiện hành Siểm, Cuống, Ngụy, Thăng xưng ... cho đến Tín ngôn cụ túc... Thứ sáu có Đại danh xưng, lưu danh khắp thế gian, cho đến Đại thế cụ túc...”, trong đây không phải lấy Vô ký pháp làm Dị thực thể, mà lấy từ Sở sinh của Nhân trước, hiện tại đắc quả Đăng lưu lấy từ Nhân trước mà sinh, trong Dị thực thuyết minh thì lấy văn này mà biết, thông tại Vô lậu địa cõi trên thì được có, lại cũng biết trong Dị thực thông với Thiện tánh...

**Luận:** Trong giải thích Nhân, nói: “Tuệ thí quang minh, y vật tươi sạch, gọi là Hình sắc nhân”, nói hình sắc, không phải là loại hình của hình hiển hiện, nếu là hình của hình hiển hiện tức là có Quang minh, có nghĩa là Hiển sắc nhân chiêu cảm Hình sắc quả, cho nên biết hình chỉ là hình của thân hình, vì thông với Hiển sắc làm Nhân. Lại nữa, vì đồng Tụ, tức là lấy Hiển sắc làm Nhân để chiêu cảm Hình sắc thì đâu có gì trái nhau! Cho nên hình hoặc là hình của Hình hiển.

**Luận:** Trong giải thích Nhân đại thế cụ túc, có ý là vì cúng dường Tam bảo, tôn trưởng... phát hoàng thệ nguyện, đời đương lai trong nguyện nhiếp trì các thứ công đức đưa đến trong tự thân, do sự cúng dường này mà phát nguyện... làm Nhân, tương lai chiêu cảm Đại thế cụ túc. Đó là ý trong đây.

**Luận:** Trong giải thích Nhân tánh cụ túc, nói: “Do hai nhân duyên Thí tha nhân tánh”, là các phụ nữ khác hay ưa thích hình dáng của tự mình, trượng phu sắp chuyển căn mất nam căn, Bồ-tát khuyến khích người kia nhiếp hộ, khiến cho không chuyển căn, lại cũng vì người kia mà thuyết pháp, khiến cho nữ nhân và trượng phu kia, noi theo Bồ-tát khuyến khích cho nên không ưa thích nữ thân, người chuyển căn noi theo Bồ-tát khuyến khích được cũng không chuyển căn, đó gọi là Thí tha nhân tánh.

**Luận:** Trong giải thích riêng ba nhân duyên, Điền thanh tịnh thứ ba ghi: “Phải biết lược nói có thể chánh phát khởi như vậy Gia hạnh và chánh an trụ Gia hạnh quả này gọi là Điền thanh tịnh”, là Vô gián

thường uỷ thác chỗ làm, khi phát Gia hạnh này và đắc Tùy địa... mà nhiếp Quả chỗ hy vọng của Gia hạnh ở trước, cho đến lấy Phật làm Quả của chỗ hy vọng ở trước. Gia hạnh... này, hoặc Nhân quả đều có thể kham làm phước điền, gọi là Điền thanh tịnh.

**Luận:** Trong giải thích quả Dị thực thứ ba, nói: “Hình sắc cụ túc quả” cho đến “phàm là chỗ phát ngôn thì không có chỗ nào mà không có thính dụng”, điều này cũng Tín ngôn cụ túc trong Dị thực, nào có khác gì! Nếu Quả này nương vào Dị thực kia mà sinh thì chỉ nương vào Sở sinh kia, tức là Quả đâu cần phải có Sở thuộc, vì hình sắc đoạn chính, người người đều tín dụng. Lại nữa, trong Tín ngôn ở trước, đối với Thăng xưng v.v... không có sai trái, chỗ luận Thăng xưng sự, không có gì mà không tín thọ, hiện tại vì hình sắc đoạn chính, pháp nói ra người người đều tin thọ, cho nên có chỗ bất đồng, không phải ngay một câu nói mà cả hai chỗ đều tin rõ.

**Luận:** Trong giải thích Tự tại cụ túc, nói: “Có thể lấy Bồ thí nhiếp chúng sinh v.v...”.

Hỏi: Tại sao Đại tài, Đại bằng hữu, Đại quyền thuộc của Dị thực đều tự tại cụ túc, hiện tại trong Quả chỉ nói Đại tài làm Quả?

Đáp: Thật tác pháp trước có Đại bằng hữu v.v... hiện tại lấy bốn Nhiếp sự phối hợp với Tín ngôn cụ túc, chỉ có bồ thí mà không có Đại bằng hữu v.v... cho nên không trái nhau.

**Luận:** Trong Đại thế quả, cũng có Xuất ngôn, đều làm Tín dụng, chỉ vì Sở nhân riêng biệt, Ngôn đều là tin dùng, tùy theo Nhân cũng luận riêng. Nếu các Bồ-tát tự có lực thì không khéo đặt yên xứ sở mà hóa độ hữu tình, Bồ-tát kia đối với Sự của tự mình không tùy thuận, khởi như vậy đối với chỗ làm lợi ích của người khác, không gọi là Xí thịnh v.v... căn cứ theo quyền trước thì chỉ có Tự lợi, là Bồ-tát chướng Bồ-tát sự thuận Lợi tha. Luận này cũng vậy, nếu tự có thể hoặc không thể hóa độ hữu tình, thì trong Tự sự không gọi là tùy thuận đối với Tha, không gọi là Xí thịnh, nếu tự mình không thể làm Thiện, nhưng có thể đặt yên xứ sở, thì chỗ hóa độ hữu tình có thể hóa độ Tha, đó là Bồ-tát sự tùy thuận mà làm, vì tự mình Vô tri, Vô năng lực, cho nên đối với Tha không gọi là Xí thịnh v.v... vì có trí tuệ và năng lực thành thực vật kia cho nên gọi là Xí thịnh.

**Luận ghi:** “Phước có ba loại là Thí, Giới và Nhẫn, Trí có một loại là Độ thứ sáu, Tinh tấn và Tĩnh lự thì thông với Phước trí phần”, như các văn các luận khác. Lại nữa, năm loại trước là phước, loại thứ sáu là Trí. Lại nữa, nói “Ba loại trước là phước, ba loại sau là Trí”, hiện tại

đối với luận này tổng có đoạn văn trái nhau, thật ra năm loại trước là phước, loại thứ sáu là Trí, luận này phỏng theo khắp chỗ thù thắng mà làm luận, cho nên thông với hai phần. Lại nữa, ba loại trước là phước mà lý là Định, ba loại sau là Tuệ, vì Tinh tấn và Tĩnh lự thông với Sách, tùy theo Tuệ nhiếp cho nên ẩn Sách phước, không nói thông với nghĩa của phước Biến sách. Như văn có thể biết, như Đối Pháp sao quyển 2 mà hiểu.

**Luận:** “Giải thích nương vào Tĩnh lự thông với tu Từ là phước, không nói Thí...”, vì tại Tấn tâm cho nên không nói, lại cũng hiển văn chỉ có vô hại.

**Luận ghi:** “Do đó hai loại đối với chứng Chánh giác tuy đều là thù thắng, nhưng trong đó”, hai loại là phước và Trí, lược lựa riêng với Dị thực, vì không phải chánh chứng nhân Bồ-đề.

**Luận:** Trong giải thích Hiện pháp tự lợi thứ tư, nói: “Lại nữa, Hiện pháp Niết-bàn của chư Như Lai, chỗ có thế gian và xuất thế gian...”, trong đây có ý nói, là Như Lai chứng Niết-bàn, Thế pháp và xuất thế pháp đó Bồ-tát đều thành thực, lấy Trí làm đầu gọi là Tự lợi, nếu lấy Bi làm đầu, thì như chỗ nói trước, các Hạnh tự lợi gọi là Lợi tha.

Hỏi: Tại sao quyển trước nói Tự lợi là chướng, hiện tại gọi Tự lợi là Hiện pháp của Bồ-tát?

Đáp: Hiện tại Tự lợi này, thật ra là kiêm Lợi tha, lấy Trí làm đầu, lấy Bi làm đầu, tại nghĩa thì khác, nghĩa nói Tự lợi, không phải trong một pháp chỉ có Tự lợi. Hoặc chướng ở trước, là trong một pháp chỉ có Tự lợi, không có Lợi tha, không đồng với Chướng kia.

**Luận ghi:** “Nếu đối với cõi Dục có thể đạt được đời khác, tài bảo cụ túc, tự thể cụ túc...” cho đến “tu tập Hậu pháp tự lợi lợi tha”, trong đây có ý nói, là cõi Dục chết rồi, sinh lại cõi Dục, hoặc sinh lên cõi Sắc; cõi Sắc chết rồi, sinh lại cõi Dục, tự thể và tài bảo có được, lại cũng hiển hiện Ưu khổ, đều tu nhân thiện thì đối với đời đương lai đạt được thiện quả, cho nên gọi là đời khác Tự lợi lợi tha.

**Luận:** Trong môn Tất cánh thứ năm... ghi: “Hoặc các Phiền não tất cả vĩnh viễn đoạn, hoặc tám chi Thánh đạo, hoặc tám chi này làm chỗ y đạt được thế gian thiện pháp, gọi đó là Tất cánh...”, như trong Vô học thân, nhân theo sức Tăng thượng duyên của Vô lậu tám Đạo chi mà sinh Hữu lậu thiện pháp, gọi đó là Tất cánh, vì chỉ có đời này cho đến Cực quả.

-----

## PHẨM CHÂN THẬT NGHĨA

Ngay Bồ-đề phần trì, trong phẩm 16, thứ tự hai phẩm nói về Chân thật nghĩa, y theo chỗ thuyết minh của văn này, lại như ba tánh, Thể của Biến kế sở chấp Pháp nhĩ không có, Y tha và Viên thành hai Đế thì nói là có. Luận này có nói Hữu và Vô, tức là nói Vô thì xứng với chân thật, đây là thuyết minh nghĩa này, gọi là Chân thật nghĩa phẩm. Tại sao Tự tha lợi phẩm trở xuống, thuyết minh Chân thật nghĩa phẩm? Tự tha lợi phẩm ở trước lấy Hạnh để thuyết minh pháp, Hạnh thì nương vào lý, sau Tự tha lợi thì phân tích Chân thật nghĩa, các phẩm trình bày thứ tự, đại khái văn đồng với luận này. Như kinh Niết-bàn ban đầu thuyết minh các hạnh Từ bi, Bất sát... sau đó thuyết minh bốn Đế, Như Lai tánh... theo lý mà nói, các kinh như vậy để thí dụ không phải một, trước trình bày các phẩm, sau đó thuyết minh Chân thật nghĩa.

**Luận ghi:** “một là Y Như sở hữu tánh, hai là Y Tận sở hữu tánh”, lại còn như hai Trí, Như sở hữu tánh tức là Vô phân biệt trí, trí duyên lý. Như Cảnh đạo lý xứng với Thật tánh mà quán. Tận sở hữu tánh tức là Hậu đắc trí, duyên Sự làm Cảnh, bao quát hết cảnh giới tánh mà có thể quán. Giải thích này phần lớn lấy lý sự trí phân riêng. Lại nữa, Quán trí quán bốn Đế, mười sáu Đế, ba Không môn... gọi là Như sở hữu tánh. Tám quán tâm tuy là Hậu đắc trí vẫn là xuất thế, nhưng Hậu đắc trí duyên tướng Kiến đạo hữu tánh Chân như, gọi là Như sở hữu tánh. Hoặc Hậu đắc trí duyên các sự Hữu thường Vô thường, Hữu lậu vô lậu... thì Sai biệt môn không khởi thế gian trí của tướng Kiến đạo chân như giải, gọi là Tận sở hữu tánh. Đây là phỏng theo Hậu đắc trí phân làm hai Trí, là thế gian Hậu đắc và xuất thế gian Hậu đắc mà giải thích.

**Luận ghi:** “Lại có bốn loại: một là Thế gian cực thành chân thật, cho đến Sở tri chướng tịnh, Sở hành chân thật thứ tư. Loại thứ nhất là thế gian thế tục cùng thừa nhận, là có nương vào lý thế tục, pháp này là Hữu trừ pháp sở chấp, gọi là Thế gian sở thành chân thật, vì cùng thừa nhận cho nên gọi là Chân thật, tức là chỉ có pháp Hữu vi Hữu lậu. Nếu pháp Vô vi Vô lậu thì đó là đạo lý Sở thành xuất thế gian. Loại thứ hai là đạo lý Sở thành chân thật, là người hữu trí cho đến người Tùy quán sát hạnh, nương vào Hiện lượng, Tỷ lượng và Chí giáo lượng... mà làm nghĩa của đạo lý Sở thành, tức là thông với pháp Hữu lậu vô lậu và pháp Hữu vi Vô vi. Loại thứ ba là Phiền não chướng tịnh trí sở hành chân thật, là nương vào văn của luận mà thông với các trí Gia hạnh... của Nhị thừa, tức là chỗ đắc ba Trí của ba Thừa, Cảnh của ba Trí là Niết-bàn Vô

vi, các pháp bốn Đế cũng vậy. Phiền não chướng tịnh trí thể sở hành chân thật, chỉ có Gia hạnh trí trong Hữu lậu. Hai Trí của Vô lậu và Vô vi của Niết-bàn tức là Thể chân thật. Loại thứ tư là Sở tri chướng tịnh trí sở hành chân thật, tức là Vô phân biệt trí và Hậu đắc trí, là hai trí Sở đắc đoạn Sở tri chướng, và nhân theo đoạn Sở đắc vô vi chân như, đó là Thể chân thật này, tức là thuyết minh Vô lậu Vô vi. Lại nữa, từ hai Chân thật chỉ lấy nhân theo hai chướng đoạn Sở đắc vô vi, không lấy Trí, tức là chỉ có Vô vi không phải thông với Hữu vi.

**Luận:** Trong giải thích Thế gian chân thật, nói: “Thế nào là Thế gian cực thành chân thật? Là tất cả thế gian đối với các Sự kia tùy thuận giả lập theo tập quán của thế tục mà ngộ nhập Sở kiến đồng tánh của Giác tuệ”, câu này có ý thuyết minh, tất cả người trong thế gian, trong nhiều sự, tùy theo nhiều sự mà khởi ngôn thuyết, có ý giải thích Sự sở chứng. “Nhiều người cùng thừa nhận”, đó là Thể chân thật này, cho nên trình bày “là Địa chỉ là Địa... là Thử chỉ là Thử”, cho đến “không phải không có như vậy”, là Địa này chỉ là Địa, là Thủy chỉ là Thủy, không phải Hỏa, Phong... đấy khởi, quyết định giải thích thế gian cùng thừa nhận, từ vô thủy truyền đến nay, không phải bất chợt mà suy nghĩ, những thứ này là Thể chân thật thể.

**Luận:** Trong giải thích đạo lý Cực thành chân thật, nói: “Người Năng tầm tứ, người Năng từ sát, người trụ Tâm tứ địa” trở xuống, là như cõi Dục, có người một thời không khởi Tâm tứ, hoặc người có khởi Tâm tứ này thì gọi là Năng tầm tứ... Nếu lấy cõi Dục đối với cõi Sắc, thì gọi là Trụ tầm tứ. Lại nữa, nói Năng tầm tứ... là thuyết minh người chính khi khởi Tâm tứ, trụ Tâm tứ địa, là người thành thực Tâm tứ. Ở vào Dị sinh vị, là Thánh nhân trụ Vô lậu, không bị tán loạn nhiều và có nhiều luận nghĩa... vì Dị sinh có nhiều tán loạn, có nhiều ưa thích luận nghĩa, cho nên chỉ căn cứ theo người trụ Dị sinh. Lại nữa, Thánh nhân tuy có Kiến đế, có Tỷ lượng và Thánh ngôn lượng... nhưng có ít phần, có rồi thì chứng đắc. Phạm phu thì xưa nay chưa chứng đắc, vì phần nhiều là sinh Tỷ trí. Trong Đa lý cực thành, thuyết minh đạo lý Tỷ lượng của Phạm phu cực thành đối với pháp.

**Luận:** Trong giải thích Chân thật thứ ba, nói: “Nếu người Năng dẫn trí Vô lậu, không phải Hữu lậu gia hạnh trí, thì tại sao Phiền não chướng tịnh trí sở hành chân thật mà không duyên Vô vi Niết-bàn”? Có nghĩa là luận đó nói “không đúng”. Đó là trí duyên Niết-bàn, là trí Vô lậu năng dẫn này duyên Niết-bàn, cũng nói Gia hạnh này bị nhiếp trong đó.



**Luận ghi:** “Vì tập quen Dị uẩn Bồ-đặc-già-la vô tánh kiến”, tức là tập quen Vô ngã kiến lia ngoài Uẩn.

**Luận:** Trong đoạn văn lớn giải thích Vô nhị thứ hai, nói: “Hữu trong đây là chỗ an lập giả thuyết tự tánh tức là chỗ chấp trường thời của thế gian...”, cho đến “các loại như vậy là chỗ cùng hiểu rõ các pháp giả thuyết tự tánh của chư thế gian, gọi đó là Hữu...”, trong đây có ý nói, là tất cả cảnh vốn tự nó không có, hiện tại người chấp này vọng an lập là phải có mà giả thuyết tự tánh là Hữu, tức là chỗ chấp của thế gian từ vô thủy đến nay khởi Phân biệt hý luận, Căn bản là nương vào Cảnh mà khởi Danh ngôn phân biệt, cho đến kế chấp có Niết-bàn, những thứ như vậy là Biến kế, có những thứ Sở chấp hý luận như vậy gọi đó là Hữu.

**Luận ghi:** “Nói Phi hữu là ngay tại các Sắc mà giả thuyết tự tánh”, cho đến “đều là Vô sở hữu, gọi đó là Phi hữu...”, câu này có ý thuyết minh là như Biến kế, giả thuyết tự tánh của các Sắc... là Vô sự Vô tướng, tức là Sắc... vô sự vô tướng. Sở y ngôn thuyết và Ngôn thuyết giả thuyết, tất cả Danh ngôn Sở y của Vô sự Vô tướng này, đều không có Sở y, vì không có cho nên các Kế chấp hữu sắc... những thứ này đều là Vô sở hữu, bậc Thánh trừ bỏ nói thì gọi đó là Trung đạo.

**Luận:** Đoạn văn lớn thứ ba, thuyết minh tu Không tuệ, là phương tiện của Bồ-đề, Không tuệ này đối với Biến kế sở chấp không giống như chỗ nói Phi hữu không ở trước.

1. “Lại nữa, ngay Tuệ này là hàng Bồ-tát...” một hàng ba chữ, tổng thuyết minh tu tính Không của Tuệ, là phương tiện của Bồ-đề. Tại sao vậy? Vì từ câu “hàng Bồ-tát” trở xuống cho đến “thành thực Phật pháp và hai hạnh của các hữu tình”, thuyết minh do có Không tuệ mà không nhiễm trước sinh tử.

2. “Lại nữa, có thể hiểu rõ sinh tử như thật”, cho đến “thâm tâm chán lìa” một hàng bốn chữ, thuyết minh trong sinh tử phần nhiều thọ sinh tử mà giáo hóa chúng sinh, không vì Hành vô thường... mà chán nghịch sinh tử, cầu nhập Niết-bàn, tức là không nhiễm trước Niết-bàn.

3. “Hoặc hàng Bồ-tát không thể biết rõ như thật sinh tử, tức là không thể đối với...” cho đến “không thể thành thực Phật pháp và hữu tình” bốn hàng chữ trở lại, thuyết minh nếu người không có trí thì phần nhiều nhập trong sinh tử, thì không thể thành thực Phật pháp và hữu tình, nếu người có Tuệ thì không nhập sinh tử, hay khéo thành thực Phật pháp và hữu tình, tức là không nhập sinh tử, từng chi tiết khác với phàm phu, không đồng phàm phu khởi Hoặc của Tham... vì nhập sinh tử, Bồ-



tát không nhập tức là do trí, thường ở Niết-bàn.

4. “Hoặc Bồ-tát đối với sinh tử của mình, lấy các Hành vô thường... thâm tâm chán lìa”, cho đến “Chánh đẳng Bồ-đề” ba hàng bốn chữ, thuyết minh Bồ-tát không giống như Nhị thừa bội nghịch sinh tử nhanh chóng nhập Niết-bàn, vì không có Bi; Bồ-tát thì có Bi, giáo hóa chúng sinh, không nhập Niết-bàn thường ở trước sinh tử, tức là lựa riêng với Nhị thừa.

Từ trên đến đây, giải thích ngược thứ nhất đã xong, từ đây trở xuống tiếp theo giải thích ngược thứ hai.

“Lại nữa, hàng Bồ-tát do tập quen Không thắng giải như vậy, tức là đối với Niết-bàn không sinh kinh sợ, đối với Niết-bàn không nhiều nguyện lạc”, cho đến “hàng Bồ-tát đó đối với chúng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không có đại phương tiện” trở lại, thứ nhất là Chánh giải, thứ hai là che lấp nghĩa Tịnh ở trước, và trong giải thích Sơ chánh giải có bốn loại, loại thứ nhất và thứ hai hợp chung giải thích, luận ghi: “Lại nữa, hàng Bồ-tát do tập quen Không thắng giải như vậy, cho nên đối với Niết-bàn không sinh kinh sợ, cũng đối với Niết-bàn không có nhiều nguyện lạc”, từ đây cho đến loại thứ nhất do có Không tuệ, hoặc ở trước sinh tử cho nên không sợ Niết-bàn; loại thứ hai tuy biết rõ sinh tử có thể nhập Niết-bàn, cũng đối với Niết-bàn không có nhiều nguyện lạc, vì có Tuệ. Đây là thứ nhất và thứ hai hợp chung giải thích. Lấy gì để biết được? Căn cứ trong giải thích mà biết. Loại thứ ba: “Hoặc hàng Bồ-tát kinh sợ Niết-bàn”, cho đến xa lìa tất cả Thắng giải thanh tịnh”, vì do có phiền não, không khéo ở trong sinh tử mà kinh sợ Niết-bàn, không sinh mong cầu, cho nên không thể phát khởi Thắng giải thanh tịnh đối với cõi Niết-bàn, vì không có trí cho nên không thể đoạn sinh tử, tức là ở nhiều trong sinh tử. Loại thứ tư: “Hàng Bồ-tát đối với Niết-bàn phần nhiều là trụ nguyện lạc”, cho đến “không thể thành thực Phật pháp và chư hữu tình”, vì không có Bi, đối với Niết-bàn đó trong thâm tâm cầu vui, nhanh chóng mà nhập vào, cho nên không thể thành thực Phật pháp và chư hữu tình. Nếu người có Bi, thì không thích nhập Niết-bàn, trong sinh tử mà giáo hóa chúng sinh, không nhiễm trước Niết-bàn.

Từ trên đến đây, Chánh giải có Không tuệ thù thắng, hoặc hợp chung thứ nhất thứ hai giải thích thành ba đoạn văn, hoặc nghĩa thì làm bốn đoạn, trong đây trước hết tổng làm ba đoạn, hợp chung nghĩa phân làm bốn đoạn, nói: Thứ ba và thứ tư... từ “phải biết trong đây” trở xuống, là biết ngược lại nghĩa Tịnh. Dưới đây có bốn loại:

1. Do không có Không Tuệ, không biết sinh tử như thật, tức là

tâm Tạt nhiễm lưu chuyển sinh tử, đây là giải thích ngược. Trong hợp chung giải thích: a) Đối với Niết-bàn không kinh sợ. b) Nếu vì Hành vô thường mà chán sinh tử, thì nhanh chóng nhập Niết-bàn, tức là giải thích ngược lại. Phần thứ hai trong hợp chung giải thích: Cũng đối với Niết-bàn không có nhiều nguyện lạc.

2. Nếu không có trí, thì đối với Niết-bàn trong thâm tâm kinh sợ, tức là đối với chứng Tư lương của Niết-bàn không thể viên mãn, thường ở trong sinh tử, tức là giải thích ngược lại trên. Trong hợp chung giải thích.

3. Xa lìa tất cả pháp Tịnh thắng giải...

4. Nếu không có Bi thì đối với Niết-bàn phần nhiều trụ Ly lạc, tức là nhanh chóng nhập Niết-bàn lạc, tức là giải thích ngược. Trong hợp chung giải thích. Không thể thành tựu Phật pháp và hữu tình. Bây giờ kết các giải thích ngược, luận ghi: “Hàng Bồ-tát đó đối với Vô thượng Chánh Đẳng Bồ-đề không có đại Phương tiện. Thứ tự ba loại mà giải thích bốn nghĩa, lấy lý căn cứ theo văn có thể biết. Hoặc loại thứ nhất chánh thuyết minh bốn nghĩa, đây là ban đầu lập tông, phải biết trong giải thích ngược ở dưới, giải thích lại nghĩa trước, ngay trong giải thích lại, có hai đoạn: một là giải thích ngược bốn nghĩa, hai là chánh giải thích bốn nghĩa.

**Luận:** Đoạn văn lớn thứ tư, giải thích đặc Vô ngã trí, đạt được tất cả phẩm loại, Bình đẳng bình đẳng, chỉ lấy Sự của nó, Y tha và Viên thành thật nếu như tuy đạt trở lại thì không khởi tư duy đây là Y tha, đây là Viên thành... như vậy là Vô ngã trí, tu hành đối với cảnh nghĩa. Bồ-tát thì đặc Bình đẳng kiến, đặc Bình đẳng tâm, có thể đặc Xả tối thắng bình đẳng. Lại nữa, có người nói: “Xả này khi nhập Kiến đạo, thì tối sơ là đặc Xả”, căn cứ theo ngay Xả thọ là không đúng.

**Luận:** Đoạn văn lớn thứ năm, lược thuyết minh thành tựu Phật pháp và chư hữu tình, lấy sáu Ba-la-mật, căn cứ theo văn nghĩa mà phối hợp, tùy theo khởi Bồ thí gì cho đến Tuệ gì.

**Luận ghi:** “Tuy có năng lực nhưng người kia nếu có cầu thỉnh”, cho đến “không phải không có Dục lạc”, là có hữu tình đối với mình có ân, tùy theo năng lực của mình hiện tiền mà thù đáp. Tuy không có năng lực, nhưng nếu người khác đến thỉnh, thì tùy các sự kia thị hiện ân cần tôn trọng vì người đó mà làm, không vì không có năng lực mà không nhận sự thỉnh cầu của người khác. “Như thế nào khiến cho người khác biết ta Vô lực? Ta chỉ có không có lực không phải không có Dục lạc”, vì ý biết ngợi ngĩ, muốn được báo đáp.

**Luận:** Đoạn văn lớn thứ bảy, có ý muốn thuyết minh chỗ chấp Phi hữu, Y tha và Viên thành là Hữu, chỗ chấp các pháp Xưng ngôn, luận này muốn phản đối điều đó. Nói “các pháp Ly ngôn”, là pháp lìa lời nói, chính là Tự tông, muốn hiển Thật để phá Tha, lựa riêng với Phi thủ, là lẽ nào lấy Trục ngôn, cho đến các pháp Ly ngôn, để cần có đạo lý.

Luận: “Hỏi: Tại sao đạo lý cần phải biết các pháp Ly ngôn, tự tánh bình đẳng” trở xuống, trong phần đáp “cho rằng tất cả pháp giả lập Tự tướng”, cho đến “cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu”, trong đây phá chấp có hai câu:

1. “Cho đến là nói Sở hành, là nói cảnh giới”, là đoạn văn có hai kế chấp của ngoại đạo.

2. “Như vậy các pháp không phải có tự tánh” trở xuống, là phá lại kế chấp của ngoại đạo để thành lập Tự Tông.

Hai kế chấp là “tất cả pháp giả lập Tự tướng”, cho đến “chỉ có giả kiến lập không phải có Tự tướng”, thuyết minh kế chấp của ngoại đạo rằng: “Như Danh của Năng thuyên cùng với Cảnh của Sở thuyên, đều là Giả danh, vì không xứng với Cảnh. Như chỗ kế chấp gọi là nhìn thấy thật mà đắc Cảnh sở thuyên, Cảnh này chỉ là giả kiến lập, không phải có tự tánh. Nói Thể là Vô, đã kế chấp Danh sở thuyên không xứng với Cảnh, thì Cảnh sở chấp đó là Phi hữu trở ra ngoài tám Chuyển mà kế chấp. Luận thứ hai ghi: “Cũng không phải lìa Cảnh kia mà riêng có tự tánh, là nói Sở hành, là nói cảnh giới. Nói “Danh thuyên sở thuyên đã không tương xứng”, tức là trong Danh năng thuyên có Thể của Sắc kia hoà hợp, đây là câu nói tương xứng, đó là nói Sở hành và cảnh giới. Luận chủ phản đối điều đó, “cũng không phải lìa Thể của Sở thuyên, Thể kia riêng có một tự tánh hoà hợp. “Là nói Sở hành, là nói cảnh giới”, là nếu giả lập Danh... tức là trên Sắc... của Sở thuyên, có nói nghĩa của Sở hành và cảnh giới, gọi là Biến kế sở chấp. Sở thuyên tương xứng câu nói, đó là nói cảnh giới. Sắc... cùng với Danh hoà hợp, tức là hoà hợp trong Danh, đó là nói Sở hành, là nói cảnh giới thì không đúng. Tuy chỗ kế chấp không phải thật, nhưng Vọng tánh không phải không có, người ngoài nếu chấp Sở thuyên đã không có, tức là chỗ nói ở trước, chỗ có tự tánh... cũng là Phi hữu, cho nên luận chủ trong luận thứ hai ghi: “Như vậy các pháp không phải có tự tánh, như Ngôn sở thuyết cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu”, tức là Sở thuyên cũng như Biến kế sở chấp. Nói rằng: “Pháp sở thuyết không phải Hữu tánh”, là cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu. Nói rằng: “Y tha vọng cảnh không phải không có”, đây là phá thứ nhất, Danh thuyên sở thuyên gọi là Ngoại

cảnh kế chấp. “Như vậy Phi hữu cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu”, là Sở chấp Ngôn bên ngoài cùng với Danh gọi là pháp được nhìn thấy, đây là Bất ly ngôn, trước đã phản đối câu nói “đây là Phi hữu”. Hiện tại chỉ nói “chỗ chấp như vậy hoà hợp với Phi hữu”, cũng có Y tha vọng kế tồn tại, cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu. Từ câu “Lại nữa, giải thích thứ nhất” cho đến “chỉ có giả kiến lập Phi hữu tự tánh” trở lại, là thuyết minh phá kế chấp bên ngoài. Từ câu “như Danh” trở xuống, là pháp Sở thuyết, phải biết gọi là Danh năng mục. Tất cả pháp của Sắc... chỉ giả kiến lập, không phải có tự tánh. Nói rằng: “Như chỗ kế chấp bên ngoài là Vô, thì người ngoài đã thấy Sở thuyết là Vô, vì không với lời nói, cho nên có thể tùy chuyển kế chấp, như nói: “Danh đó là pháp Sở mục, vì không xứng với Sắc danh”, đáng lẽ lia ngoài Sắc sở mục, mà riêng có tự tánh, đó là nói Sở hành, đó là nói cảnh giới. Hiện tại luận chủ phản đối điều đó, nói: “Cũng không phải lia cảnh kia mà riêng có tự tánh, đó là nói Sở hành và cảnh giới”, tuy khởi thị phi không phải chỗ chấp Hữu, nhưng đó là Thể của tánh Y tha... vì là Phi vô.

**Luận ghi:** “Như vậy các pháp Phi hữu tự tánh, chỗ nói y như lời cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu”, như chỗ kế chấp như Ngôn sở thuyết trước, không phải là pháp có tự tánh, như Sở chấp là Phi hữu, như Vọng pháp của Y tha giả lập Danh ngôn, các pháp này cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu, không thể không có Y tha... “Phi hữu tự tánh”, là Biến kế sở chấp. “Như ngôn sở thuyết cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu”, là cái Hữu của Y tha, không phải chỉ có pháp Ly ngôn của Y tha là Hữu, mà chính là chỗ chấp pháp Phi hữu đó có vọng tình tồn tại, cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu, cho nên luận thứ hai ghi: “Như vậy Phi hữu cũng không phải tất cả đều là Vô sở hữu”. Từ trên đến đây đã thuyết minh Sở chấp phi hữu, Y tha và Viên thành là Hữu.

**Luận:** “Hỏi: Tại sao là Hữu”? Ngay trong đáp đáng lẽ nói: “Nếu pháp xứng với trí Ly ngôn, thì đó là Y tha”, nhưng hiện tại lấy Trí năng chiếu, cho đến nói: “Chỉ là cảnh giới Sở hành của Vô phân biệt trí”, thì Hậu đắc trí của nó cũng được duyên dính Chân pháp không hư vọng. Hiện tại là lấy Chánh duyên, cho nên chỉ căn cứ theo Vô phân biệt trí.

**Luận ghi:** “Nếu đối với các pháp, các Sự, tùy khởi ngôn thuyết, thì liền đối với các pháp các sự kia”, cho đến “chế lập nhiều giả thuyết để tiêu biểu ý nghĩa”, đây là phá lại kế chấp của ngoại đạo, kế chấp đã nói: “Danh làm đề mục cho Sở thuyết, Sở thuyết xứng với Danh”, nếu như trên một pháp có xứng với nhiều Danh, thì đáng lẽ pháp Sở mục

xứng với nhiều Danh vì có nhiều Thể, nhưng đã là Danh năng mục có nhiều pháp sở mục vì Thể là một, cho nên biết Danh trên pháp mà giả lập nhiều Thuyên biểu. Từ trên đến đây tuy thuyết minh Danh đối với pháp là giả thuyết, nhưng cũng không phải trên một pháp mà có. Tất cả Thuyên biểu quyết định khả đắc, như một màu xanh, tuy lập Giả danh nói là màu xanh, thì không thể lấy Giả danh đó mà cũng nói là màu vàng. Chỉ có thể trên một pháp mà tùy chỗ lập Giả danh, như Nhãn... gồm có nhiều sự soi chiếu dẫn đường, không thể lập giả thuyết khác tên là Nhĩ... để làm đề mục cho Nhãn.

**Luận ghi:** “Cũng không phải có nhiều thuyên biểu quyết định khả đắc”, cho đến “không phải giả thuyết khác để nói nghĩa này...”, lý này tuy là pháp Sở mục có nhiều Danh, hoặc Cụ thì gọi là Nhãn... Chiếu soi dẫn đường... hoặc Bất cụ thì nói một Nhãn, nếu đồng đề mục cho pháp sở mục thì mong pháp sở mục, đề không phải thật có.

**Luận ghi:** “Do đó tất cả giả thuyết hoặc Cụ hoặc Bất cụ”, cho đến “Hữu thể, Hữu phần, và có tự tánh của nó”, pháp kia, là Năng thuyên giáo pháp..., Sự kia là Sự thể sở thuyên..., Hữu thể là tổng chỉ cho tự thể của các pháp; Hữu phần là giải thích riêng phần sai biệt của các pháp.

**Luận ghi:** “Lại nữa, như trước nói Sắc... các pháp tùy giả thuyết mà có tự tánh...”, cho đến “mới có tự tánh...”, trong đây có ý nói phá lại chỗ kế chấp của ngoại đạo kia, nói: “Như chỗ nói Sắc... các pháp ở trước, nếu tùy theo giả thuyết mà có tự tánh”, là nói tùy theo Danh liền có Sở thuyên, thì trước hết phải có Sự thể của Sở thuyên, sau đó mới tùy chỗ muốn của tình thức mà chế lập giả danh. “Ông đã nói tùy theo danh thì liền xứng với đề mục mà có Sở mục”, trước chưa chế lập giả thuyết, thì Sự sở thuyên kia trước Danh đáng lẽ không có tự tánh, vì tùy Danh mới có Sự, tức là trước khi Danh chưa khởi thì Sự kia không có. Trước khi chưa khởi Danh thì Sự kia đã không có, mà Danh năng thuyên hiện ý nghĩa tiêu biểu là không đúng đạo lý. Danh giả thuyết đã là Vô sở hữu, thì Sự pháp sở thuyên tùy theo Danh năng thuyên mà có tự tánh là không đúng đạo lý, lần lượt mà phá.

**Luận ghi:** “Lại nữa, nếu các Sắc trở về trước khi chưa lập giả thuyết thuyên biểu, thì trước đó có Sắc tánh...” cho đến “phải biết các pháp Ly ngôn tự tánh”, là ngoại đạo chấp rằng: “Khi các Sắc chưa lập về trước, thì trước đó đã có tự tánh, sau đó nương vào Sắc tánh mà giả lập Danh sắc, nhiếp thủ đối với Sắc”. Hiện tại đoạn văn kế chấp ghi: “Như vậy thì đó là lìa ngoài Sắc mà giả thuyết ý nghĩa tiêu biểu, vì sau đó nương vào Sắc tánh mà chế lập giả thuyết, như trẻ con... khi mới

sinh, trước hết là thấy Sắc tánh, sau đó hoặc nương vào Sắc tánh mà chế lập giả thuyết”, trẻ con này đối với pháp Sắc căn, đối với sự Sắc căn, đáng lẽ khởi Sắc giác mà làm thành Sắc giải, nhưng trẻ con này đã trước thấy Sắc nhưng sau đó không nương vào Sắc mà khởi Sắc giải, cho nên biết rằng, trước có Sắc tánh, sau đó nương vào Sắc tánh mà chế lập giả thuyết, là không đúng đạo lý. Nhưng trẻ con nào mà thật không khởi Sắc giác và Sắc giải, do nhân duyên đạo lý này, nên biết các pháp Ly ngôn tự tánh. từ trên đến đây, hợp chung lại có ba chỗ phá ngược, căn cứ theo đoạn văn trên thì biết.

**Luận:** Trong giải thích hai người bị mất hoại, nói: “Hai người này đối với tướng Giả thuyết xứ và tướng Giả thuyết”, tánh Y tha gọi là tướng Giả thuyết, là giả thuyết có tướng của Sắc... tánh Viên thành thật gọi là Tướng xứ, tức là giả thuyết Y tha để trừ chỗ chấp Xứ có Chân như.

**Luận ghi:** “Đối với pháp thật có của Sắc... chỉ có Sự khởi tổn giảm chấp”, đây là bác không có Y tha.

**Luận ghi:** “Nếu chỉ có Giả mà không có Thật sự, thì đã không có Y xứ, Giả cũng không có, đó gọi là hoại các pháp”. Là nói: “Nếu chỉ nói có Giả y tha trong Giả thuyết... mà không có Viên thành thật”, thì Viên thành thật là Giả thuyết, Y xứ của Y tha đã không có, thì chỗ nào được có giả thuyết Y tha! Lại nữa, Giả thuyết, là chỗ khởi chấp cho là Hữu, nhưng Sự của Y tha và Viên thành thật là Vô, khi khởi Biến kế thì Danh nương vào hai tánh, nhưng không có hai Tánh của Sở y, mà có Biến kế của Năng y, mới gọi là hoại các pháp.

**Luận:** Trong giải thích nẻo ác Không, “Do Bỏ cho nên Không cũng không tin thọ đối với Thử, mà Không cũng không tin thọ”, là Chân thật nghĩa, do Biến kế sở chấp không có cho nên gọi là Không, trên Y tha và Viên thành thật này mà khởi Biến kế sở chấp Không, cả hai đều không tin, đây gọi là nẻo ác Không. Tại sao vậy? Là do Biến kế sở chấp, nhưng thật ra Không kia là không có, do Y tha và Viên thành thật là có, nếu khởi lý này thì ông có thể nói Không. Nếu nói tất cả Y tha Viên thành thật đều là Vô sở hữu, thì nương vào chỗ nào, làm sao có Không này, tại sao gọi là Không? Vì không có Y xứ, vì không phân biệt biết Biến kế Không thì ông cũng không nên nói do Biến kế sở chấp. Đây là đối với Y tha và Viên thành..., nhưng Y tha Viên thành này đã nói là Không vì để bác không có Y tha, cho nên không có Thể của Y xứ và Sở kế không, vì không hiểu. Nói rằng: “Gọi là Ác thủ không, vì khéo nắm lấy Không”, nghĩa là đối với tánh Y tha, thì đây là do Biến



kế sở chấp Không kia, tức là do chỗ chấp kia không có, cho nên chánh quán là Không, vì khi thấy Y tha thì biết không có Sở chấp. Lại nữa, do Y tha Tướng, đây là do Viên thành thật khác là có, tức là do Viên thành thật mà như thật biết có.

**Luận ghi:** “Là đối với chỗ nói như trước, tất cả Sắc... và các Tướng sự”, cho đến “đều là Vô sở hữu, sau đó mong Sở chấp ở trước không có, do đó đối với các Tướng sự của các Sắc này...”, cho đến “nói đó là Không”, đây là giải thích Y tha mà nói Sở chấp không.

**Luận ghi:** “Đối với Tướng sự của tất cả Sắc này cái gì là Dư? Tức là Sắc... giả thuyết Sở y”, đây là hỏi lại chỗ giải thích trước, trong Thật hữu mà nói nghĩa Dư, tức là Sắc... là giả thuyết của Y tha, Sở y Viên thành là Dư của Y tha.

**Luận ghi:** “Thật hữu trong đây là chỉ có Sự, trong Duy sự cũng có Duy giả”, đây là quán Y tha, quán Duy sự của Y tha, Duy sự này chỉ là Giả hữu, không phải Chân thật hữu, vì văn của luận dưới mới thuyết minh Viên thành thật có nghĩa.

**Luận:** Trong Dẫn giáo, nói: “Như Phật Thế Tôn trong Chuyển Hữu kinh”, Hữu là Hữu chấp, tức là kế chấp Danh làm đề mục cho Sở thuyết, Thế của nó tương xứng, trừ Chấp hữu này, gọi là Chuyển Hữu kinh.

**Luận ghi:** “Đối với tướng pháp của tất cả Sắc này... thì tự tánh của Sắc... đều là Vô sở hữu, cũng không có pháp tánh của các Sắc khác”, là trên Sắc pháp của Biến kế sở tưởng không có, như tự tánh của Biến kế sở chấp Sắc... không phải chỉ có Sở chấp tự tánh của Vô sắc... trên Sắc pháp cũng không có các Sắc pháp tánh của Hương Vị...

**Luận ghi:** “Trong phẩm Nghĩa mà nói”, tức là A-tỳ-đạt-ma kinh nói Nghĩa phẩm.

**Luận ghi:** “Tán-tha-ca-đa-diễn-na tử”, tức là tên chữ của Ca-chiên-diên, tên là Ca-đa-diên-ni, là chủng tánh Bà-la-môn, là một tánh trong mười tám tánh. Như trong bốn họ thì gọi là họ Lý. Tán-tha tức là một chủng tánh riêng trong chủng tánh, như trong một họ Lý có nhiều tánh đó, là các sai biệt của Triệu quận ở Lũng Tây.

**Luận ghi:** “Nhân-đà-la”, ở đây gọi là Đế Thích, là Y-xá-na Đại tự tại thiên, Thế chủ nhân vương.

**Luận ghi:** Tại sao gọi là tám chủng Phân biệt? Đó là:

1. Tự tánh.
2. Sai biệt.
3. Tổng chấp.

4. Ngã.
5. Ngã sở.
6. Ái.
7. Phi ái.
8. Câu tương vi.

Ba loại trước là Pháp chấp phương tiện, loại thứ tư thứ năm là Nhân chấp phương tiện, ba loại sau là ba độc Phương tiện. Lại nữa, ba loại trước thông với hai Chấp phương tiện, hai loại kế chỉ có Nhân chấp phương tiện. Tám Phân biệt này đều là Bất thủ, khi Pháp chấp Nhân chấp đang khởi thì Pháp chấp không chiêu cảm quả báo, đã nói rằng có thể sinh ra ba sự, cho nên biết Thủ là Phương tiện của Pháp chấp... Nếu như thế thì Ngã kiến thông với tánh bất thiện, tại sao là Bất thủ? Nếu người không có chấp Ngã kiến là Bất thủ, ngoài ra người bất thiện là Thủ; ba loại sau Bất thủ căn bản, để lựa riêng với Phương tiện năng sinh cùng với Căn bản sở sinh khác nhau, có ý thuyết minh ba loại sau là Phương tiện, có thể sinh Căn bản ba độc, như văn mà tự suy nghĩ, vì ba loại trước có thể sinh hai pháp Căn và Trần.

**Luận ghi:** “Sở y và Sự sở duyên của Phân biệt hý luận”, tức là Căn trần.

**Luận ghi:** “Là Tưởng sự của Sắc... làm Sở y sở duyên ...”, cho đến “không phải một, mà nhiều phẩm loại sai biệt”, là Tưởng sự của Sắc làm Sở y, làm Sở duyên, cho nên gọi là Tưởng sự, chỗ nhiếp của Ngôn thuyết gọi là Sở hiển của Tưởng ngôn thuyết. “Phân biệt hý luận không phải là chỗ nhiếp của một đời”, tức là chỗ nhiếp của Hữu vi gọi là chỗ nhiếp thông với Vô lậu pháp. Hiện tại lại giải thích: “Trước nói Vô lậu”, là không phải Sở sinh của ba Phân biệt. “Sở sinh, là các chỗ nhiếp khác”, tức là quyến thuộc. Sở hiển, là pháp của các Căn trần, gọi đó là Sở hiển. Phân biệt thứ tư và thứ năm, có thể sinh chư Kiến và Căn bản ngã kiến, chư Mạn và Căn bản ngã mạn, vì Ngã kiến Ngã mạn làm Căn bản của các Kiến mạn khác, hoặc ba Phân biệt sau có thể sinh ba độc.

**Luận:** Trong giải thích Tổng chấp phân biệt, nói: “Hỏi: Ngã và Mạng của hữu tình... trong Ngã và Ngã sở phân biệt đó cũng kế chấp Ngã kiến, điều này có gì khác? Đáp: Tổng chấp ở trước là phỏng theo hai chấp Ngã và Ngã sở phân biệt, chỉ có Nhân chấp cho nên có khác nhau, Tầm tư và Như thật trí thông với hai Trí”, như Đối Pháp sao nói.

**Luận:** Trong giải thích tự tánh giả lập là chỗ dẫn Như thật trí của Tầm tư, nói: “Như thật liễu tri, như thật thông đạt, là liễu tri tự tánh giả



lập trong Tướng sự của Sắc... không phải các Sự tự tánh kia, nhưng lấy Sự tự tánh kia mà hiển nói”, là Kiến y tha không phải thật là Biến kế sở chấp, tương tự Sở chấp mà không phải thật có Tánh kia hiển hiện. “Trong tám thứ dụ nói lửa ngọn, nước, nghĩa là lửa ngọn giống như nước”.

